

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DSST.

Ngày: 10-5-2021.

(V/v tranh chấp về thừa kế tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Hòa và ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 29 tháng 4 năm 2021 đến ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 77/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX- ST ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Mai H, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà 180, khu tập thể H, tổ 33, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1930; địa chỉ: số nhà 62, đường N, tổ 102, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị T: Bà Trịnh Thị T, sinh năm

1963; địa chỉ: khối 4, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2019). Có mặt.

3.2. Bà Ngô Thị Bích T, sinh năm 1949; địa chỉ: số nhà 48/06, đường Võ Văn T, tổ 11, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Bích T: Bà Ngô Thị Mai H, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà 180, khu tập thể H, tổ 33, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2020). Có mặt.

3.3. Ông Ngô Hưng P, sinh năm 1950; địa chỉ: số nhà 22A, ngõ 294, đường K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.4. Bà Ngô Thị Minh C, sinh năm 1953; địa chỉ: khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1945; địa chỉ: số 306, đường NCT, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.6. Chị Ngô Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: số 306, đường NCT, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.7. Chị Ngô Thị Minh H, sinh năm 1985; địa chỉ: số 306, đường NCT, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.8. Chị Ngô Thị Mai N, sinh năm 1988; địa chỉ: số 306, đường NCT, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.9. Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: phòng số 404, tầng 4, chung cư M, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.10. Cháu Ngô Thị Thanh N, sinh năm 2000; địa chỉ: khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.11. Cháu Ngô Quang L, sinh năm 2005; khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Ngô Quang L: Chị Võ Thị L, sinh năm 1979 (là mẹ đẻ của cháu L); địa chỉ: khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Hoàng Hải D, sinh năm 1947; địa chỉ: xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4.2. Ông Ngô Hưng C, sinh năm 1952; địa chỉ: xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt

4.3. Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1944; địa chỉ: xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Mai H trình bày: bố mẹ bà H là cụ Ngô Hưng T và cụ Nguyễn Thị T lấy nhau sinh được 09 người con gồm: Ngô Minh T (hy sinh năm 1954, chưa có vợ con); Ngô Thị T, sinh 1930; Ngô Đình T (chết khi còn nhỏ); Ngô Thị T (chết khi còn nhỏ); Ngô Hưng V (chết năm 2004, có 02 vợ: vợ đầu là Phùng Thị D, chết năm 1981 và có 02 con là Ngô Quang X (chết năm 2016, có vợ là Võ Thị L và 02 con là Ngô Thị Thanh N, Ngô Quang L), Ngô Thanh T; vợ hai là Nguyễn Thị D và có 03 con là Ngô Thị D, Ngô Thị Minh H, Ngô Thị Mai N); Ngô Thị Bích T; Ngô Hưng P; Ngô Thị Minh C và Ngô Thị Mai H. Cụ Ngô Hưng T chết năm 1988, cụ bà Nguyễn Thị T chết năm 2005. Hai cụ T, ông V, anh X chết đều không để lại di chúc. Di sản của hai cụ T để lại là thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05, diện tích 2183m² tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nguồn gốc thửa đất trên là khoảng đầu năm 1970, hai cụ T có mua một mảnh đất của ông Q ở xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An để sinh sống. Vì thời gian đã lâu nên giấy mua bán đất của hai cụ đã bị mất. Hai cụ đã khai hoang, khai phá bụi bờ, di dời mồ mả, trồng cây cối, hoa màu và sinh sống tại thửa đất trên. Bà H cũng có công trong việc khai hoang đất cùng với hai cụ.

Do vợ đầu của ông Ngô Hưng V chết nên năm 1982, ông V lấy vợ hai là bà Nguyễn Thị D và về chung sống với bố mẹ bà H. Một thời gian sau, vợ chồng ông V ra ở riêng trong cùng thửa đất với bố mẹ. Lúc này, bố bà H đã chết nên mẹ bà H đã ra ở cùng với ông V. Gia đình ông V đã sử dụng phần diện tích đó từ đó cho đến nay (phần đất mà hiện tại chị Võ Thị L đang ở). Bà H khẳng định phần diện tích đất gia đình chị L đang sử dụng không phải là đất do ông V khai hoang như lời trình bày của

chị L và các con, cháu ông V mà đó là đất của bố mẹ bà H. Khi hai cụ còn sống, hai cụ đã mua cho nhà đất cho ông V ở khối T, phường N, nhưng ông V đã bán cho bà T, sau đó bán cho bà D.

Mấy năm trước đây, gia đình chị Võ Thị L và anh Ngô Thanh T đã chuyển nhượng một phần đất của bố mẹ bà H để lại có diện tích 72m².

Nay, bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ngô Hưng T và cụ Nguyễn Thị T để lại là thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05, đối với phần diện tích còn lại là 2111m² tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà H có nguyện vọng được chia bằng hiện vật và đề nghị chia cho các thừa kế của ông Ngô Hưng V phần diện tích đất gắn liền với ngôi nhà mà chị Võ Thị L đang quản lý, sử dụng. Đối với 72 m² đất vợ chồng chị Võ Thị L và anh Ngô Thanh T đã chuyển nhượng, bà H không có yêu cầu gì.

Tại các Bản tự khai, bị đơn chị Võ Thị L trình bày: Chị L hoàn toàn thống nhất hàng thừa kế của cụ Ngô Hưng T, cụ Nguyễn Thị T; thời gian các cụ, ông V, anh X chết và đều không để lại di chúc đúng như bà H trình bày. Chị L không đồng ý với bà H về di sản thừa kế của các cụ để lại. Theo chị L, thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05, diện tích 2183m² tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An không phải của hai cụ T để lại mà có cả phần diện tích đất của bố mẹ chồng chị L khai hoang. Cụ thể: khoảng năm 1973, hai cụ T chuyển lên mua đất ở tại xóm P, xã N, diện tích khoảng 1000m², có ranh giới: Phía Bắc giáp đất cổ Ch 30m, phía Đông giáp đất cổ T 36m, phía Nam giáp đất ông M 30m, phía Tây giáp đất ở của bố mẹ chồng chị là 36m. Năm 1979, bố chồng chị ra ở riêng, đã khai phá bụi bờ, di dời mồ mả. Sau khi cụ Ngô Hưng T chết, cụ Nguyễn Thị T đã chuyển lên sinh sống cùng bố chồng chị L cho đến lúc chết. Ông V và gia đình chị L đã sử dụng phần diện tích đất của ông V khai hoang từ đó cho đến nay. Hiện nay, gia đình chị đang thờ phụng các cụ cũng như các bác đã chết. Khu vực đất của ông V khai hoang có diện tích khoảng 900m² đến 1000m² có ranh giới cụ thể như sau: phía Bắc giáp đất anh N thương binh 28m, phía Đông giáp đất ông bà T 32m, phía Nam giáp đất anh D 30m, phía Tây giáp đường đi xóm P 30m. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ T để lại đối với thửa đất

trên theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế thì chị L không đồng ý. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho gia đình chị.

Tại các bản tự khai, anh Ngô Thanh T; chị Ngô Thị Thanh N, cháu Ngô Quang L, bà Nguyễn Thị , chị Ngô Thị D, chị Ngô Thị Minh H, chị Ngô Thị Mai N đều trình bày: Anh T, chị N, cháu L, bà D, chị D, chị H, chị N hoàn toàn nhất trí như lời trình bày của chị Võ Thị L. Họ khẳng định ông V là người đã ra khai phá đất để ở riêng. Họ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với phần quyền lợi của họ được hưởng từ việc phân chia thừa kế của hai cụ T, họ chưa yêu cầu phân chia cụ thể.

Bà Trịnh Thị T, bà Ngô Thị Minh C, bà Ngô Thị Bích T trình bày: Bà T, bà C, bà T hoàn toàn nhất trí như ý kiến của bà Ngô Thị Mai H, không bổ sung thêm nội dung gì. Bà T xin nhường lại kỉ phần thừa kế mà mình được hưởng cho bà Ngô Thị Mai H và bà H đồng ý nhận.

Ông Ngô Hưng P trình bày: Ông P nhường lại toàn bộ kỉ phần thừa kế mà ông được hưởng cho hai cháu là Ngô Thị Thanh N và Ngô Quang L, ông P không có yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng ông Hoàng Hải D, ông Ngô Hưng Ch, bà Mai Thị Đ đều trình bày: Việc cụ Ngô Hưng T và cụ Nguyễn Thị T mua đất và về ở trong ngôi nhà hiện có móng cũ tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05 tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đúng. Sau khi ông T mất, bà T chuyển lên ở cùng với ông Ngô Hưng V tại ngôi nhà ông V làm (vị trí nhà chị L đang ở hiện nay). Việc ông V khai hoang đất để ở như thế nào thì không ai nhớ chính xác.

Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An về nguồn gốc thửa đất tranh chấp, kết quả phản ánh: khu vực đất tranh chấp là đất xâm cư. Các hộ dân ở N lên đó ở rồi khai phá mở rộng khuôn viên. Sau khi chỉnh lí địa giới hành chính, thửa đất trên thuộc địa phận xã N quản lí. Tại Ủy ban nhân dân xã N và phường N đều không có hồ sơ địa chính lưu trữ về thửa đất này mà chỉ có bản đồ 299 đo bao toàn bộ khu vực hơn 22 ngàn m².

Trong Sổ địa chính, sổ Mục kê lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã N cũng không thể hiện thửa đất trên. Qua xác minh, cán bộ địa chính xã N khẳng định thửa đất trên nằm trong quy hoạch khu dân cư, không thuộc diện di giới, giải tỏa. Thửa đất của các cụ T có trước năm 1980 nên được công nhận 1500m² đất ở, còn lại là đất vườn và đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc khai phá đất cát của gia đình ông V, ủy ban nhân dân xã không nắm rõ vì xảy ra đã lâu, tại chính quyền không lưu trữ văn bản hay tài liệu gì thể hiện việc này.

Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá tài sản và tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05 tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Kết quả thẩm định, định giá tài sản phản ánh:

- Thửa đất trên có diện tích 2111 m² (vì đã chuyển nhượng 72m²) đang do chị Võ Thị L quản lý và sử dụng; chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất có tứ cận: phía Bắc giáp đất ông Ch, ông N và đường nội xóm dài: 28,65m + 28,22m + 10,53m + 5,24m; phía Đông giáp đất ông Ngô Đức M và ông N rộng: 6,53m + 5,27m + 10,17m + 2,81m + 4,75m; phía Nam giáp đất ông D; ông T; ông T và ông M dài: 14,68m + 1,54m + 17,46m + 16,99m + 18,69m; phía Tây giáp đường liên thôn rộng: 12,35m + 2,04m + 3,07m + 1,90m + 12,36m.

- Về tài sản trên đất: 01 ngôi nhà chính loại nhà cấp 4 và 01 móng nhà cũ (không còn giá trị sử dụng) và một số cây ăn quả nhỏ. Ngôi nhà do ông V xây dựng, sau đó anh chị em bà H góp lại sửa chữa, nâng cấp và cuối cùng là vợ chồng chị L làm lại. Móng nhà cũ phía sau là nhà của ông bà T và con cái góp làm hồi ông bà còn sống.

- Thửa đất trên có giá 4.000.000 đồng/m² đất ở và 2.500.000 đồng/m² đất vườn. Tài sản trên đất, các đương sự không yêu cầu định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của

pháp luật. Về nội dung, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là bà Ngô Thị Mai H yêu cầu chia thừa kế tài sản là thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05, diện tích 2183m² tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Bị đơn là chị Võ Thị L cư trú tại huyện N, tỉnh Nghệ An. Đây là vụ án dân sự. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Ngô Hưng T chết năm 1988, căn cứ khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10 tháng 9 năm 1990 về thừa kế; khoản 1 Điều 611 của Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của cụ Trà tính từ ngày 10 tháng 9 năm 1990. Cụ Nguyễn Thị T chết năm 2005. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Do đó, đang còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp tại phiên tòa: Bị đơn chị Võ Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hưng P, bà Nguyễn Thị D, chị Ngô Thị D, chị Ngô Thị Minh H, chị Ngô Thị Mai N, anh Ngô Thanh T, cháu Ngô Thị Thanh N, cháu Ngô Quang L, người đại diện hợp pháp của cháu L là chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Do cụ Ngô Hưng T và cụ Nguyễn Thị T chết không để lại di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2015, di sản của hai cụ T được chia thừa kế theo pháp luật. Do đó, bà Ngô

Thị Mai H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của hai cụ T để lại là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Xác định người thừa kế: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ T gồm bà Ngô Thị T, ông Ngô Hưng V, bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Hưng P, bà Ngô Thị Minh C và bà Ngô Thị Mai H. Do ông V chết nên những người thừa kế của ông V (gồm chị Võ Thị L, cháu Ngô Thị Thanh N, cháu Ngô Quang L, anh Ngô Thanh T, bà Nguyễn Thị D, chị Ngô Thị D, chị Ngô Thị Minh H, chị Ngô Thị Mai N) được quyền hưởng kỷ phần của ông V trong khối di sản của các cụ.

[6] Về di sản thừa kế: Bà H, bà T, bà H, bà T và bà C cho rằng, toàn bộ thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5 diện tích 2183m² tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là tài sản do hai cụ T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Còn chị L, anh T, bà D, chị D, chị H, chị N chỉ thừa nhận một phần diện tích thửa đất là thuộc tài sản của hai cụ T; phần diện tích còn lại khoảng từ 900 – 1000m² là đất do ông Ngô Hưng V khai phá từ sau năm 1980 trong quá trình sinh sống cùng với các cụ. Như vậy, giữa các đương sự còn mâu thuẫn với nhau về quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

Hội đồng xét xử thấy: theo lời trình bày của các đương sự và những người làm chứng là ông Hoàng Hải D, ông Ngô Hưng C, bà Mai Thị Đ thì vào năm 1970, hai cụ T đã mua mảnh đất của ông Q (nay thuộc thửa đất tranh chấp) và chuyển lên sinh sống. Ông V làm nhà ra ở riêng nhưng cũng trong cùng khuôn viên thửa đất. Quá trình sử dụng đất, các cụ và con cái (gồm bà H, ông V) đã có sự khai phá, mở rộng diện tích so với thời điểm ban đầu. Khi các cụ sử dụng mảnh đất mua của ông Q thì ông V, bà H mới có quyền và điều kiện để khai phá phần đất xung quanh nơi ở của cha mẹ. Như vậy, ông V và bà H là những người góp công sức vào việc làm tăng trị giá thửa đất của cha mẹ chứ không phải là người độc lập tạo nên mảnh đất riêng biệt ngay bên cạnh phần đất các cụ T xây dựng nhà cửa như trình bày của phía bị đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông V đã khai hoang một thửa đất độc với lập thửa đất của hai cụ T. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện phần diện tích đất ông V làm nhà và phần đất của hai cụ T

liền một thửa, không có ranh giới rõ ràng để phân định thành hai thửa. Quá trình sử dụng đất, anh Ngô Thanh T đã tự ý bán 72m^2 về phía Đông thửa đất nên diện tích đất còn lại là 2111m^2 ; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu chia thừa kế đối với 72m^2 đất này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định, 2111m^2 đất là di sản thừa kế của hai cụ T để lại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do di sản của các cụ chưa chia nên cần căn cứ vào các quy định tại Bộ luật Dân sự, cần chia thừa kế cho những người thừa kế của các cụ và có tính đến công sức đóng góp của bà H, ông V để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho mỗi người. Tuy nhiên, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi phân chia, Hội đồng xét xử chia và tạm giao cho các đương sự cho phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

[7] Chia tài sản thừa kế: Qua xác minh tại chính quyền địa phương, thửa đất trên hai cụ T sử dụng từ trước năm 1980, nên trong diện tích đất 2111m^2 có 1500m^2 đất ở và còn lại là đất vườn. Như nhận định tại phần [6], ông V, bà H là người có công sức đóng góp làm tăng trị giá tài sản nên trước khi chia thừa kế, cần trích công sức cho bà H và ông V. Tất cả những người thừa kế đều có mong muốn được nhận kỷ phần bằng hiện vật và tài sản có thể chia được bằng hiện vật nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia thừa kế bằng hiện vật. Cần chia cho các thừa kế của ông V phần đất gắn liền với nhà mà chị Võ Thị L đang sử dụng.

Do thửa đất có chiều dài hơn 60 m, số kỷ phần thừa kế nhiều; vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định trích ra 194m^2 đất vườn làm lối đi chung (chiều rộng 3m) ở giữa thửa đất để những người thụ hưởng thuận lợi trong việc sử dụng đất cũng như làm tăng giá trị sử dụng của mỗi thửa đất.

Như vậy, di sản còn lại của các cụ là 2111m^2 đất ở thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 5 tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An sau khi trừ đường đi chung, được chia cho 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần là khoảng 220m^2 đất. Do bà H tự nguyện nhường 50m^2 đất vườn thuộc kỷ phần thừa kế của mình cho bà C; bà T tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế của bà T cho bà H, ông P tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế của ông P cho cháu Ngô Thị Thanh N và cháu Ngô Quang L (con anh Ngô Quang X) nên Hội đồng xét xử chấp nhận và phân chia cụ thể như sau:

Bà H: 220m^2 kỷ phần + công sức đóng góp là $229\text{m}^2 + 220\text{m}^2$ kỷ phần của bà T – 50m^2 nhường lại cho bà C = 599m^2 trong đó có 467m^2 đất ở. Trị giá thừa đất là 2.198.000.000 đồng.

Bà C: 270m^2 trong đó có 210m^2 đất ở trị giá 990.000.000 đồng.

Bà T: 220m^2 trong đó có 171m^2 đất ở, trị giá 806.500.000 đồng.

Cháu Ngô Thị Thanh N+ cháu Ngô Quang L nhận kỉ phần thừa kế từ ông Ngô Hưng P: 220m^2 trong đó có 171m^2 đất ở, trị giá 806.500.000 đồng.

Những người thừa kế của ông V (bà Nguyễn Thị D, chị Ngô Thị D, chị Ngô Thị Minh H, chị Ngô Thị Mai N, anh Ngô Thanh T, chị Võ Thị L + cháu Ngô Thị Thanh N + cháu Ngô Quang L): 220m^2 kỷ phần + công sức đóng góp $386\text{m}^2 = 606\text{m}^2$ trong đó có 472m^2 đất ở trị giá 2.223.000.000 đồng.

Do cháu Ngô Quang L chưa đủ 18 tuổi nên phần tài sản thừa kế của cháu L do chị Võ Thị L (mẹ đẻ) thực hiện việc đại diện theo quy định tại Điều 73 luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các đương sự phải chịu án phí đối với trị giá tài sản mà mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

Bà Ngô Thị Mai H, Ngô Thị Minh C, Ngô Thị T, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị D; Ông Ngô Hưng P và bà Ngô Thị Bích T đều trên 60 và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử cho miễn án phí theo quy định.

Chị Ngô Thị D, chị Ngô Thị Minh H, chị Ngô Thị Mai N, anh Ngô Thanh T, chị Võ Thị L , cháu Ngô Thị Thanh N, Ngô Quang L phải chịu án phí đối với kỷ phần của ông V theo quy định của pháp luật là 76.460.000 đồng; Số án phí này được chia làm sáu phần trong đó 3 người là chị L, cháu N, cháu L (cháu L đã đủ 16 tuổi) phải chịu chung 1/6 án phí.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc không kiến nghị gì nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 609; 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651; 652 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ luật Người Cao tuổi;

Căn cứ Điều 73 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về Lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

{1} Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mai H về việc chia thừa kế tài sản đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05, diện tích 2111m^2 tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho các đồng thừa kế của cụ Ngô Hưng T và Nguyễn Thị T.

{2} Trích diện tích lối đi chung ở giữa thửa đất có diện tích 194m^2 , chiều rộng 3m dọc theo thửa đất (được thể hiện trên sơ đồ chia tài sản).

{3} Trích công sức đóng góp tăng trị giá tài sản và chia thừa kế cụ thể như sau:

{3.1} Tạm giao cho bà Ngô Thị Mai H được quyền sử dụng 599m^2 đất (trong đó có 467m^2 đất ở và 132m^2 đất vườn, có ký hiệu S1, S2) tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05 tại tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trị giá thửa đất là 2.198.000.000 đồng.

Độ dài các cạnh và ranh giới cụ thể như sau:

Phía Tây giáp đường liên xã:kích thước $12,35\text{m} + 1,17\text{m}$.

Phía Nam giáp lối đi chung:kích thước $29,73\text{m} + 16,19\text{m}$.

Phía giáp Đông giáp thửa đất có kí hiệu S3: kích thước $14,23\text{m}$

Phía Bắc giáp thửa đất số 372 và thửa đất số 353: kích thước $12,00\text{m} + 15,81\text{m} + 0,4\text{m} + 3,39\text{m} + 12,52\text{m}$.

{3.2} Tạm giao cho bà Ngô Thị Minh C được quyền sử dụng 270m^2 đất (trong đó có 210m^2 đất ở và 60m^2 đất vườn có ký hiệu S3) tại thửa đất số 383, tờ bản

đồ số 05 tại tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trị giá trị giá 990.000.000 đồng.

Độ dài các cạnh và ranh giới cụ thể như sau:

Phía Tây giáp đất bà H: kích thước 14,23m.

Phía Nam giáp lối đi chung: kích thước 18,78m .

Phía Đông giáp phần diện tích đất 72m² đã chuyển nhượng: Kích thước 6,04m + 12,27m.

Phía Bắc giáp thửa đất số 353: Kích thước 12,74m + 0,55m

{3.3} Tạm giao cho bà Ngô Thị T được được quyền sử dụng 220m² đất ở (trong đó có 171m² đất ở và 49m² đất vườn có ký hiệu S4) tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05 tại tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trị giá 806.500.000 đồng.

Độ dài các cạnh và ranh giới cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 373 và thửa đất số 374: Kích thước 8,38m + 2,81m + 4,75m

Phía Bắc giáp lối đi chung: kích thước 13,84m

Phía Tây giáp lô đất có kí hiệu S5: kích thước 15,97m

Phía Nam giáp thửa đất số 404: kích thước 13,98m

{3.4} Tạm giao cho cháu Ngô Thị Thanh N, cháu Ngô Quang L được quyền sử dụng 220m² đất ở (trong đó có 171m² đất ở và 49m² đất vườn có ký hiệu S5) tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05 tại tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trị giá 806.500.000 đồng.

Độ dài các cạnh và ranh giới cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất thửa có kí hiệu S4 (đã chia cho bà T): kích thước 15,97m

Phía Bắc giáp lối đi chung: kích thước 13,83m

Phía Tây giáp thửa có kí hiệu S6: kích thước 15,99m

Phía Nam giáp thửa đất số 403 và thửa đất số 404: kích thước 9,11m + 4,71m.

{3.5} Tạm giao cho chị Võ Thị L, anh Ngô Thanh T, bà Nguyễn Thị D, chị Ngô Thị Mai N, chị Ngô Thị D, chị Ngô Thị H, cháu Ngô Thanh N và cháu Ngô Quang L được quyền sử dụng 606m² đất , trong đó có 472m² đất ở và 134 m² đất

vườn có ký hiệu S6, S7 tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 05 tại tại xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trị giá 2.223.000.000 đồng

Độ dài các cạnh và ranh giới cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa S5 (đã chia cho cháu N, cháu L): kích thước 15,99m

Phía Bắc giáp lối đi chung: kích thước 13,73m + 25,53m

Phía Tây giáp đường liên xã: kích thước 0,85m + 1.90m + 12.36m

Phía Nam giáp thửa đất số 403 và thửa đất số 418: kích thước 14,68m + 1,54m + 11,37m + 6,09m + 7,87m.

(Có sơ đồ chia đất ban hành kèm theo bản án.)

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị Mai H, Ngô Thị Minh C, Ngô Thị T, bà Nguyễn Thị D, ông Ngô Hưng P, bà Ngô Thị Bích T.

Anh Ngô Thanh T, chị Ngô Thị Mai N, Ngô Thị D, Ngô Thị H mỗi người phải chịu 7.941.000 đồng; Chị Võ Thị L, cháu Ngô Thị Thanh N, cháu Ngô Quang L mỗi người phải chịu 2.647.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND huyện Nghi Lộc;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Chi cục T.H.A Dân sự huyện Nghi Lộc;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Loan Hòa